

**CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ CẢNH QUAN HOÀNG SA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG VÀ CẢNH QUAN HOÀNG SA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG SA ARCHITECTURE  
CONSTRUCTION AND LANDSCAPE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOANG SA ARCH CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110887803

**3. Ngày thành lập:** 13/11/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Văn Thượng, Xã Xuân Canh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982959032

Fax:

Email: tranvietttv1408@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                       | 0118     |
| 2.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                    | 0119     |
| 3.  | Trồng cây ăn quả                                                                                                                           | 0121     |
| 4.  | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                                     | 0129     |
| 5.  | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                        | 0131     |
| 6.  | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                         | 0132     |
| 7.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                    | 3320     |
| 8.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                              | 3700     |
| 9.  | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                             | 3811     |
| 10. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                          | 4101     |
| 11. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                    | 4102     |
| 12. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                        | 4222     |
| 13. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                      | 4293     |
| 14. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                 | 4299     |
| 15. | Phá dỡ                                                                                                                                     | 4311     |
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: Dịch vụ san ủi mặt bằng, thi công cơ giới;<br>(Không bao gồm hoạt động nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự) | 4312     |
| 17. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                      | 4321     |
| 18. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                      | 4322     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh                                                      | 4329        |
| 20. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330        |
| 21. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                              | 4390        |
| 22. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa.                                                                                                                                                                                                                | 4610        |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;                                                                                                                                                                   | 4659        |
| 24. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                                                                                                                                                              | 4662        |
| 25. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng, trang trí nội, ngoại thất, sơn, vôi, vécni; | 4663        |
| 26. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;<br>(Theo Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)                                                                                                                                                                      | 4933        |
| 27. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                           | 5210        |
| 28. | Bốc xếp hàng hóa<br>(Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                               | 5224        |
| 29. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                 | 5610        |
| 30. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                               | 6311        |
| 31. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;<br>- Dịch vụ thương mại điện tử<br>(Theo Nghị định số 52/2013/NĐ-CP)                                                                                       | 6399        |
| 32. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán)                                                                                                                                                                                                                           | 7020        |
| 33. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                              | 7110(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Quảng cáo<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                            | 7310 |
| 35. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                            | 7320 |
| 36. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Hoạt động trang trí nội thất; Dịch vụ thiết kế đồ thị                                                                                                                  | 7410 |
| 37. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả vi tính); | 7730 |
| 38. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (trừ cho thuê lại lao động)                                                                                                           | 7830 |
| 39. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                               | 8121 |
| 40. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                   | 8129 |
| 41. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                               | 8130 |
| 42. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                           | 8230 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐINH THỊ DUNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 05/01/2001

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036301013035

Ngày cấp: 04/10/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm 6, Xã Giao Thiện, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Phúc Tá, Xã Tân Phúc, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐINH THỊ DUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/01/2001

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036301013035

Ngày cấp: 04/10/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm 6, Xã Giao Thiện, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Phúc Tá, Xã Tân Phúc, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

### 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

Thời gian đăng từ ngày 14/11/2024 đến ngày 14/12/2024

